

Bản án số: 243/2023/HS-PT  
Ngày: 04-8-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Công Huân

**Các Thẩm phán:** 1. Ông Huỳnh Văn Trục  
2. Ông Phạm Viết Hùng

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 161/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo Nguyễn Văn D, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HSST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị cáo bị kháng nghị:**

**Nguyễn Văn D;** Sinh năm 1975, tại tỉnh TGI; Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký hộ khẩu thường trú; Chỗ ở: Không có chỗ ở nhất định; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Văn Cảnh và bà: Nguyễn Thị Lùng; Vợ con: Chưa có;

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 22/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện BC ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng, theo Quyết định số 717/QĐ-TA, chấp hành xong quyết định vào 18/9/2021 theo Giấy chứng nhận số 277/GCN-CSBL ngày 30/8/2021 của Cơ sở cai nghiện ma túy Bồ Lá.

Nhân thân:

- Ngày 22/11/1995, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Hiếp dâm”, Bản án số 1627/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/11/2000, theo Giấy xác nhận số 111/XN-TGMP(GD) của Trại giam Mỹ Phước, đã đóng án phí hình sự sơ thẩm theo

Giấy xác nhận số 103/GXN-CCTHADS ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh TGI.

- Ngày 22/10/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh TGI xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bản án số 69/HSST, đã đóng án phí theo Giấy xác nhận số 104/GXN-CCTHADS ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh TGI.

- Ngày 10/6/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh TGI xử phạt 18 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” cộng với hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 69/HSST, tổng hợp hình phạt bị cáo chấp hành chung của hai bản án là 42 tháng tù, Bản án số 27/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/3/2006, theo Giấy xác nhận số 111/XN-TGMP(GD) của Trại giam Mỹ Phước ngày 27/7/2022, đã đóng án phí theo Giấy xác nhận số 104/GXN-CCTHADS ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh TGI.

- Ngày 21/9/2007, bị Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Bản án số 163/HSST. Chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền thu nhập bất chính 3.800.000 đồng (bản án này xác định tái phạm nguy hiểm).

- Ngày 27/12/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, Bản án số 125/2007/HSST. Buộc chấp hành chung hình phạt 03 năm tù tại Bản án số 163/2007/HSST, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt là 06 năm 06 tháng tù. Đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 14/9/2012, theo Công văn số 27/GXN-CCTHADS ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh TGI.

- Ngày 24/7/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, tổng hợp hình phạt còn lại của Bản án số 125/2007/HSST, buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 08 năm 11 tháng 27 ngày tù. Bản án số 77/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2018 theo Giấy xác nhận số 146/TGXL-HS của Trại giam Xuân Lộc ngày 30/7/2022, đóng án phí ngày 14/9/2012 theo Công văn số 28/GXN-CCTHADS ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2022 - Có mặt

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lê Văn Quốc Th, bị hại bà Thiều Huỳnh Thị Ngọc Tr, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Ngọc H, không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Quốc Th và Nguyễn Văn D là bạn bè, khoảng 22 giờ ngày 01/6/2022, Thanh điều khiển xe mô tô AirBalde biển số 59E1- 909.44 chở Dũng đi công việc. Khi đến trước địa chỉ B12A/29G ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện BC thì Thanh phát hiện xe mô tô Vision màu đỏ biển số 59N3- 114.97 của bà Thiều Huỳnh Thị Ngọc Tr đang dựng bên trong sân nhà, cửa cổng không khóa và không có người trông coi nên Thanh rủ Dũng lấy trộm, Dũng đồng ý. Thanh dừng xe và tiến lại gần mở cổng, còn Dũng đi bộ vào sân dẫn xe mô tô biển số 59N3-114.97 ra ngoài. Do không có chìa khóa trên xe nên Thanh điều khiển xe mô tô biển số 59E1-909.44 dùng chân đẩy xe mô tô biển số 59N3-114.97 do Dũng điều khiển về nhà. Khi cả hai đang đi trên đường VVV, đến trước địa chỉ A3/3A ấp 1A, xã Vĩnh Lộc B thì bị tổ tuần tra Công an huyện BC nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. TH và D khai nhận với Tổ tuần tra là vừa lấy trộm xe mô tô biển số 59N3-114.97 nên Cơ quan Công an đã đưa cả hai về trụ sở Công an xã Vĩnh Lộc B lập hồ sơ ban đầu, sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC điều tra, xử lý. Sau khi phát hiện bị mất xe bà Thiều Huỳnh Thị Ngọc Tr đã đến Công an xã Vĩnh Lộc B trình báo sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 1658/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện BC xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59N3-114.97 trị giá 23.220.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BC thì bị cáo Lê Văn Quốc Th và Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HSST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử đối với bị cáo Lê Văn Quốc Th, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Văn Quốc Th và Nguyễn Văn D không kháng cáo.

Ngày 13/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKSBC với nội dung: Kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử theo hướng sửa một phần bản án về áp dụng tình tiết định khung tăng nặng và mức hình phạt tù đã áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn D. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật

Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và giảm hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, phát biểu quan điểm về việc xét xử vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội Trộm cắp tài sản” là có căn cứ đúng người, đúng tội.

Theo bản án sơ thẩm, Bản án hình sự sơ thẩm số 163/HSST ngày 21/9/2007 của Tòa án huyện BC đã xét xử đối với bị cáo D là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và tiền thu nhập bắt chính 3.800.000 đồng, nên bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là tình tiết định khung hình phạt, nên đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Nhận định trên là không phù hợp bởi vì căn cứ theo các Điều 60; 70 Bộ luật hình sự thì Bản án hình sự sơ thẩm số 163/HSST ngày 21/9/2007 của Tòa án huyện BC xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn D đã hết thời hiệu thi hành từ ngày 17/02/2014, bị cáo đương nhiên được xóa án tích sau 02 năm kể từ ngày hết thời hiệu tức là ngày 17/02/2016. Đối với hình phạt tù bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 15/02/2018 nên đến ngày 15/02/2020 D đương nhiên được xóa án tích. Tính đến ngày bị cáo phạm tội trong vụ án này Bản án số 163/HSST ngày 21/9/2007 đương nhiên được xóa án tích. Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BC xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm và áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là không đúng quy định gây bất lợi cho bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn D chiếm đoạt tài sản có trị giá 23.220.000 đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, do đó Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện BC là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án số 71/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BC theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử, bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS BC ngày 13/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

2. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua đó đã có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 22 giờ ngày 01/6/2022, Lê Văn Quốc Th điều khiển xe mô tô AirBalde biển số 59E1- 909.44 chở D đi công việc. Khi đến trước địa chỉ B12A/29G ấp 2, xã Vĩnh Lộc B, huyện BC thì TH phát hiện thấy chiếc xe mô tô hiệu Vision màu đỏ biển số 59N3- 114.97 của bà Thiều Huỳnh Thị Ngọc Tr đang dựng bên trong sân nhà, cửa cổng không khóa và không có người trông coi nên TH rủ D lấy trộm, D đồng ý. TH dừng xe và tiến lại mở cổng, còn D đi bộ vào sân dẫn chiếc xe mô tô hiệu Vision biển số 59N3-114.97 của bà Trúc đưa ra ngoài. Do không có chìa khóa trên xe nên TH điều khiển xe mô tô biển số 59E1-909.44 dùng chân đẩy xe mô tô biển số 59N3-114.97 do D điều khiển về nhà. Khi cả hai đang đi trên đường VVV, đến trước địa chỉ A3/3A ấp 1A, xã Vĩnh Lộc B thì Công an phát hiện bắt giữ cùng vật chứng.

Kết luận định giá tài sản số 1658/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BC xác định: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59N3-114.97 trị giá 23.220.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo. Ngày 13/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện BC có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKSBC, kháng nghị một phần bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BC. Đề nghị Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và giảm hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn D. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện BC.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 23.220.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Theo bản án sơ thẩm: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn D bị Tòa án nhân dân huyện BC xét xử tại Bản án số 163/HSST ngày 21/9/2007 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo chưa chấp hành xong bản án do chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và khoản tiền thu nhập bất chính 3.800.000 đồng, nên chưa được xóa án tích. Bị cáo là người đã tái phạm nguy hiểm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này thuộc trường

hợp tái phạm nguy hiểm, nên đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Công văn số 2298/CCTHADS ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BC thì do chưa nhận được Bản án 163/HSST ngày 21/9/2007 nên Chi cục Thi hành án chưa ra Quyết định thi hành án chủ động bắt buộc đối với bị cáo Nguyễn Văn D về án phí hình sự sơ thẩm và khoản tiền thu lợi bất chính 3.800.000 đồng. Như vậy, việc chưa thi hành xong bản án không phải do lỗi của bị cáo.

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 163/HSST ngày 21/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Nguyễn Văn D 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/02/2018. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự, tính đến ngày 15/02/2020 bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích. Đối với phần Quyết định của bản án về buộc nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính và tiền án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo chưa thi hành. Tuy nhiên, theo các quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 60; khoản 1; điểm b khoản 2; khoản 3 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì phần quyết định nêu trên của bản án hết thời hiệu thi hành từ ngày 17/02/2016. Như vậy, tính đến lần phạm tội trong vụ án này ngày 01/6/2022, bị cáo Nguyễn Văn D đã được đương nhiên xóa án tích, nên bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2023/HS-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện BC xác định bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” và áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tuyên phạt bị cáo 04 năm 06 tháng tù là không phù hợp, gây bất lợi cho bị cáo, nên có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết định khung theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn D chiếm đoạt tài sản có trị giá 23.220.000 đồng, nên áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và giảm một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn D.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận Kháng nghị số 02/QĐ-VKSBC ngày 13/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án hình sự sơ thẩm

số 71/2023/HSST ngày 30-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn D 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2022.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND H.Bình Chánh; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án H.Bình Chánh; (1)
- TAND H.Bình Chánh; (1)
- Công an H.Bình Chánh; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (20) (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Huân**